TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-PT
Ngày: 22-6-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Công Đường

Ông Võ Đình Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:*** Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2022/DS-PT ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị V - sinh năm 1944; nơi cư trú: phường H, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Đức Q, sinh năm: 1975; nơi cư trú:, xã P, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Trịnh Thị P - sinh năm: 1951

2. Ông Trịnh Đình T - sinh năm 1974

Cùng nơi cư trú: phường H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa: Ba Nguyên Thi Hông H - Pho chu tich Ủy ban nhân dân thi xa Ninh Hoa (văn bản ủy quyền số 2431/GUQ- UBND ngày 21/7/2020); vắng mặt.

Ngươi bao vê quyên, lơi ich hơp phap của Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa: Ông Nguyên Sơn V - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa (văn bản số 2464/ UBND ngày 22/7/2020); vắng mặt.

2. Ông Phạm Q - sinh năm: 1959

3. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: phường H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trịnh Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị V trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay với bà Trịnh Thị P, ông Trịnh Đình T là do ông Trịnh Ngọc M và bà Lương Thị T cho bà Trịnh Thị P. Sau đó, không nhớ rõ năm nào, bà Trịnh Thị P chuyển nhượng lại cho bà Trịnh Thị V. Đến năm 2003, bà Trịnh Thị V xây dựng một nhà chứa trấu liền kề với đất của bà P; phần đất còn lại bà V trồng chuối và các loại cây ngắn ngày. Bà V sử dụng đất đến năm 2009 thì Nhà nước giải tỏa để mở đường Bắc Nam với diện tích thu hồi giải tỏa là 78,7m^2. Bà V được hỗ trợ bồi thường 35.210.580đ, diện tích đất của bà V còn lại là 17,3m^2. Năm 2011, bà V xây móng đá chẻ trên móng nhà trấu cũ nhưng phía bà P không đồng ý; còn ông Trịnh Đình T nói để thương lượng nên bà V chỉ xây móng đã chẻ trên móng nhà chứa trấu cũ đến giáp đất nhà ông T. Nay, phần diện tích nằm phía bên nhà ông Trịnh Đình T là 4,7m^2, phía nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tranh chấp với ông T; 12,6m^2 trong tổng 17,3 m^2 đất còn lại sau thu hồi có phần móng hồ trấu thuộc thửa đất số 18, 19 và 31 tờ bản đồ số 66 phường H đề nghị công nhận cho bà V.

Trong thời gian có tranh chấp, phía bà V đã có đơn đến chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân phường H đã mời bà P và bà V đến làm việc, không cho xây dựng nhưng bà P và chồng là ông Q vẫn làm sân. Do đó, bà V yêu cầu bà P, ông Q tự tháo dỡ phần sân mà ông Q, bà P đã làm trên đất của bà V để trả lại đất cho bà V.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà bà V đã nộp, bà V không yêu cầu phải thanh toán lại. Chi phí cho việc trưng cầu giám định chữ ký là 2.550.000đ, bà V tự nguyện thanh toán lại cho bà P.

Bà Trịnh Thị P trình bày tại phiên tòa ngày 19/3/2021 như sau:

Năm 1990, ông Trịnh Ngọc M và bà Lương Thị T có cho bà Trịnh Thị P 230m^2 đất; cho không lập giấy tờ mà chỉ nói bằng miệng. Năm 2003, bà P sang nhượng lại cho bà Trịnh Thị V một phần đất được cho có diện tích 71,5m^2. Khi sang nhượng, hai bên không chỉ mốc giới mà viết một giấy mua bán tay với nhau. Phần đất bà P sang nhượng cho bà V không có phần đất phía sau nhà ông T. Cũng trong năm 2003, bà V xây dựng hồ chứa trấu và có hỏi bà P lấn vào đất của bà P 0,5m. Năm 2009, đất bà V bị Nhà nước thu hồi. Bà P đề nghị bác đơn khởi kiện của bà V, đình chỉ vụ án và chuyển vụ án qua cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa xem xét và khởi tố. Ngoài các yêu cầu trên thì bà P không còn yêu cầu gì khác.

Ông Trịnh Đình T trình bày: Trước đây, bà Trịnh Thị V khởi kiện đòi ông T trả lại đất, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà V rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông T; ông T đồng ý với việc rút yêu cầu này và không trình bày gì thêm.

Ông Phạm Q trình bày: Ông Q thống nhất với trình bày của bà Trịnh Thị P.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thống nhất với trình bày của ông T và không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 240, Điều 244, Điều 264, Điều 271, Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 24 Điều 3, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 169, Điều 255 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trịnh Thị P về việc hủy giấy sang nhượng đất lập ngày 07/7/2003.

2. Đình chỉ đối với phần nguyên đơn bà Trịnh Thị V rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp 4,7m^2 đất đối với ông Trịnh Đình T.

3. Chấp nhận phần khởi kiện của bà Trịnh Thị V đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Trịnh Thị P và ông Phạm Q.

Bà Trịnh Thị V được quyền sử dụng phần đất đã xây móng hồ trấu có diện tích 12,6m^2; loại đất nông nghiệp (trong đó, diện tích móng hồ trấu nằm trên thửa 18 là 0,6m^2; nằm trên thửa 19 là 2,0m^2 và nằm trên thửa 31 là 10m^2 tất cả thuộc tờ bản đồ 66 H - có mảng trích đo số 113-2020 kèm theo).

Bà Trịnh Thị V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định.

4. Buộc bà Trịnh Thị P và ông Phạm Q phải tháo dỡ toàn bộ phần diện tích sân xi măng mà bà P, ông Q đã xây trong thời gian đang tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn để trả lại mặt bằng cho bà Trịnh Thị V.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc thanh toán chi phí trưng cầu giám định chữ ký cho bị đơn Trịnh Thị P 2.550.000đ.

6. Bà Trịnh Thị P được nhận 2.550.000đ do bà Trịnh Thị V thanh toán lại từ chi phí trưng cầu giám định chữ ký.

7. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá mà nguyên đơn đã chi, nguyên đơn không yêu cầu thanh toán lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/5/2021, bị đơn bà Trịnh Thị P kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm, bà không đồng ý với Mục 3 và Mục 4 Phần quyết định của bản án về việc bà phải trả cho bà P 12,6m^2 đất.

Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp toàn bộ phần đất còn lại của nguyên đơn sau khi mở đường có diện tích 17,3m^2 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và đã được Tòa án các cấp giải quyết. Khi Tòa án xét xử sơ thẩm lại vụ án lần thứ hai, nguyên đơn chỉ rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trịnh Đình T đối với phần đất ông T đã xây nhà trên đất tranh chấp; tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ giải quyết một phần phần đất còn lại, không giải quyết phần đất giáp với thửa đất số 14 là không giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn. Lý do nguyên đơn không kháng cáo vì do không hiểu bản vẽ nên ngộ nhận rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên công nhận cho nguyên đơn 12,6m^2 là toàn bộ phần đất còn lại của nguyên đơn sau khi trừ đi phần đã rút yêu cầu. Nay, tại Tòa án cấp phúc thẩm, sau khi hiểu được bản vẽ, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết toàn bộ phần đất còn lại cho nguyên đơn.

Diện tích 4,7m^2 ông T xây nhà trên đất và nguyên đơn rút yêu cầu đòi ông T trả lại chỉ là diện tích áng chừng.

Trên phần đất nguyên đơn tranh chấp với bà P, vợ chồng bà P làm sân xi măng, làm mái che tôn và tấm đan nhà bà P nhô ra trên không gian phần đất tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không vẽ và không tuyên buộc vợ chồng bà P tháo dỡ những vật kiến trúc này để trả lại đất cho nguyên đơn nên không thể thi hành án được.

Theo bản vẽ kèm theo bản án thì trong phần đất nguyên đơn tranh chấp có một phần đất nằm trong thưa đất số 18 hiện đứng tên bà N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng để lấy lời khai của bà là sai. Nguyên đơn không lấn chiếm đất của ai nhưng bản vẽ có nội dung chú giải phần đất của nguyên đơn theo đo vẽ thực tế lấn chiếm các thửa đất các là không đúng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo qui định để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị N là người đang quản lý sử dụng thửa đất số 18 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm còn có những thiếu sót trong việc xem xét, thẩm định, định giá tài sản và xác định phần diện tích tranh chấp với ông T nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các nội dung sau trong Phần quyết định gồm: (i) đình chỉ đối với phần nguyên đơn bà V rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp 4,7m^2 đất đối với bị đơn ông T; (ii) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V đối với tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà P và ông Q; bà V được quyền sử dụng phần đất đã xây móng hồ trấu có diện tích 12,6m^2; loại đất nông nghiệp trong đó diện tích móng hố trấu nằm trên thửa 18 là 0,6m^2; nằm trên thửa 19 là 2,0m^2 và nằm trên thửa 31 là 10m^2 tất cả thuộc bản đồ 66 phường Ninh Hiệp có mảng trích đo số 113-2020 kèm theo bản án sơ thẩm; (iii) buộc bà P và ông Q tháo dỡ toàn bộ diện tích sân xi măng mà bà P và ông Q đã xây dựng để trả lại mặt bằng cho bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo là bà Trinh Thi P vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trinh Đinh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã có những sai sót trong việc giải quyết không đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn, đưa thiếu người tham gia tố tụng và xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ, cụ thể như sau:

[3] - Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất ông Trinh Đinh T đã xây nhà trên đất tranh chấp; phần đất này, theo trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là chỉ áng chừng diện tích 4,7m^2, còn trong Thông báo thụ lý vụ án số 233/TB-TLVA ngày 12/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa thì phần đất nguyên đơn yêu cầu ông T trả là 5,1m^2; Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ việc giải quyết đối với phần yêu cầu đã rút là 4,7m^2 nhưng không xác định cụ thể trên bản vẽ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn cũng như căn cứ xác định diện tích rút yêu cầu là 4,7m^2 là sai.

[4] - Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp toàn bộ phần đất còn lại sau khi mở đường có diện tích 17,3m^2 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa thị xã Ninh Hòa lập, hiện nay tiếp giáp về phía Đông với các thưa đất số 18, 19 và 22 tờ bản đồ số 66 bản đồ địa chính phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa. Theo Mảng trích đo địa chính số 113-2020 ngày 01/7/2020 kèm bản án sơ thẩm thì diện tích đất tranh chấp đo theo hiện trạng là 22m^2. Sau khi đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn như đã nêu ở Đoạn [3], Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết một phần đất còn lại được chú thích trên Mảng trích đo địa chính là "móng hồ trấu" có diện tích là 12,6m^2 là không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] - Theo Mảng trích đo địa chính số 113-2020 ngày 01/7/2020, trong phần đất nguyên đơn tranh chấp có một phần nằm trong thưa đất số 18 tờ bản đồ 66 đứng tên bà Trần Thị N nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] - Trên phần đất nguyên đơn tranh chấp theo đo vẽ thực tế 22m^2, có phần nhà do ông T xây, sân xi măng do bà P xây, móng hồ chứa trấu và tường gạch trên móng hồ trấu do bà V xây; trên không gian đất có mái che tôn và tấm đan hiên nhà do vợ chồng bà P xây nhưng đều không được thể hiện trên bản vẽ và định giá để làm căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ hay không và làm căn cứ để xử lý các vật kiến trúc này khi giải quyết tranh chấp.

[7] - Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa thị xã Ninh Hòa lập (bút lục 134) thì diện tích đất còn lại của bà Trinh Thi V sau khi mở đường Bắc Nam là 17,3m^2; diện tích đất bà V tranh chấp đo thực tế theo Mảng trích đo địa chính số 113-2020 ngày 01/7/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa chi nhánh tại thị xã Ninh Hòa là 22m^2; sau khi áp vào bản đồ địa chính thì trong 22m^2 này chỉ có 17,3m^2 đất nằm trong thưa đất số 31 của bà V, còn lại 4,7m^2 đất nằm trong thưa đất số 18, 19 và 22 không phải đứng tên bà V. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ mâu thuẫn giữa diện tích đất đo thực tế được xác định tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và Mảng trích đo địa chính; không làm rõ bản đồ địa chính được áp thửa là bản đồ được đo đạc năm nào, theo hệ tọa độ nào để xác định tính chính xác của việc áp thửa để có căn cứ giải quyết vụ án.

[8] - Mảng trích đo địa chính số 113-2020 ngày 01/7/2020 được lập theo tỉ lệ 1:500 trong khi diện tích đất tranh chấp nhỏ là không phù hợp, không thể đọc và hiểu đầy đủ, đúng bản vẽ; một số thông tin được diễn giải trong Mảng trích đo địa chính không được chú giải cụ thể trên bản vẽ; thông tin "*diện tích tranh chấp đo theo hiện trạng: 22m^2, trong đó diện tích móng hồ trấu: 12,6m^2, diện tích nằm ngoài móng hồ trấu: 7,4m^2*" là mâu thuẫn. Tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thưa đất đính kèm Mảng trích đo địa chính, các đỉnh thửa đất được đánh số từ 01 đến 11 nhưng được thể hiện trên bản vẽ lộn xộn, không đúng vị trí nên rất khó để hiểu và sử dụng Phiếu xác nhận kết quả đo đạc này. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu cơ quan đo vẽ lập bản vẽ cho phù hợp, chú giải đầy đủ, điều

chỉnh thông tin cho chính xác tại Mảng trích đo địa chính và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thưa đất.

[9] Với những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung khởi kiện của bà V về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà P và ông T và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; cụ thể các nội dung hủy: (i) đình chỉ đối với phần nguyên đơn bà V rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp 4,7m^2 đất đối với bị đơn ông T; (ii) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà P và ông Q; bà V được quyền sử dụng phần đất đã xây móng hồ trấu có diện tích 12,6m^2; loại đất nông nghiệp trong đó diện tích móng hố trấu nằm trên thửa 18 là 0,6m^2; nằm trên thửa 19 là 2,0m^2 và nằm trên thửa 31 là 10m^2, tất cả thuộc bản đồ 66 phường Ninh Hiệp theo Mảng trích đo số 113-2020; (iii) buộc bà P và ông Q tháo dỡ toàn bộ diện tích sân xi măng mà bà P và ông Q đã xây dựng trong thời gian tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn để trả lại mặt bằng cho bà V; và (iv) quyết định về án phí và xử lý tạm ứng án phí trừ nội dung trả lại cho bà P 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003385 ngày 25/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa; các khoản tiền đương sự đóng tạm ứng án phí còn lại sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[10] Các nội dung còn lại trong Phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

[11] Bà Trinh Thi P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

1. Giữ nguyên các nội dung sau của bản án sơ thẩm:

1.1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trinh Thi P về việc hủy giấy sang nhượng đất lập ngày 07/7/2003.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị V về việc thanh toán chi phí trưng cầu giám định chữ ký cho bà Trịnh Thị P 2.550.000đ.

Qui định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Trường hợp

bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá mà nguyên đơn đã chi: Nguyên đơn không yêu câu thanh toan lai nên Hôi đông xet xư không xem xet.

1.4. Trả lại cho bà Trinh Thi P 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003385 ngày 25/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

2. Hủy các nội dung sau của bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm:

2.1. Đình chỉ đối với phần nguyên đơn bà Trịnh Thị V rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp 4,7m^2 đất đối với bị đơn ông Trịnh Đình T.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị V về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Trịnh Thị P và ông Phạm Q. Bà Trịnh Thị V được quyền sử dụng phần đất đã xây móng hồ trấu có diện tích 12,6m^2; loại đất nông nghiệp trong đó diện tích móng hố trấu nằm trên thửa 18 là 0,6m^2; nằm trên thửa 19 là 2,0m^2 và nằm trên thửa 31 là 10m^2, tất cả thuộc bản đồ 66 phường Ninh Hiệp có mảnh trích đo số 113-2020 kèm theo.

2.3. Buộc bà Trịnh Thị P và ông Phạm Q phải tháo dỡ toàn bộ diện tích sân xi măng mà bà P và ông Q đã xây dựng trong thời gian tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn để trả lại mặt bằng cho bà Trịnh Thị V.

2.4. Quyết định về án phí và xử lý tạm ứng án phí (loại trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của bà Trinh Thi P được trả lại cho bà tại Mục 1.4 trên).

3. Bà Trinh Thi P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền